

Bản án số: 63/2020/HSST
Ngày: 21/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Thành.

Bà Nguyễn Thị Vân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2020/TLST-HS ngày 14/5/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 54/2020/QĐXXST-HS ngày 22/6/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian và địa điểm mở phiên tòa số: 16/2020/TB-TA ngày 15/7/2020 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn Đ - xã N - huyện T - tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1965; Có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Nhân thân: Tại Bản án số: 01/2014/HSST ngày 16/01/2014 bị Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh B kết án về tội “*Hủy hoại tài sản*” và xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng 22 ngày; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/10/2019 đến ngày 21/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng “*Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN VĂN H, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn Đ - xã N - huyện T - tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh

năm 1970; Có vợ là Luân Thị T, sinh năm 1998 và 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN VĂN K (Họ và tên gọi khác: Nguyễn Khắc K), sinh năm 1995.

Trú tại: Khu dân cư N - phường N - thành phố H - tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Khắc C, sinh năm 1968 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1966; Có vợ là Sùng Thị H, sinh năm 1999 và 01 con sinh năm 2019; Nhân thân: Tại Bản án số: 17/2013/HSST ngày 31/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện N - tỉnh H kết án về tội “*Cướp giết tài sản*” và xử phạt 12 tháng tù. Tại Bản án số: 20/2015/HSST ngày 26/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C - tỉnh H kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” và xử phạt 21 tháng tù; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

4. TĂNG VĂN V, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn Đ - xã G - thành phố H - tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tăng Văn V, sinh năm 1972 và bà Tăng Thị T, sinh năm 1975; Sống như vợ chồng với Nguyễn Thị T, sinh năm 2002 (chưa đăng ký kết hôn), chưa có con; Nhân thân: Tại Quyết định số: 15/2013/QĐ-CT ngày 04/01/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H - tỉnh H đã quyết định đưa vào trường giáo dưỡng do có hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với thời gian 24 tháng; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh NGUYỄN VĂN T2, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn T - xã G - huyện T - tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Ông NGUYỄN VĂN N, sinh năm 1965. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông NGUYỄN VĂN B, sinh năm 1970. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị NGUYỄN THỊ L, sinh năm 1993. Có mặt tại phiên tòa.

Cùng trú tại: Thôn Đ - xã N - huyện T - tỉnh B.

- Chị SÙNG THỊ H, sinh năm 1999.

Trú tại: Khu dân cư N - phường N - thành phố H - tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị NGUYỄN THỊ T, sinh năm 2002.

Trú tại: Thôn Đ - xã G - thành phố H - tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 04/7/2019, sau khi uống rượu ở nhà xong, Nguyễn Văn T sinh năm 1991, trú tại: Thôn Đ - xã N - huyện T - tỉnh B rủ Nguyễn Văn H1, sinh năm 1992 ở cùng thôn đến quán Karaoke 88 thuộc địa phận thôn D - xã N - huyện T - tỉnh B để hát. Khi đến nơi thì quán hết phòng hát nên T và H1 ngồi ở ghế đá ngoài sảnh của quán để đợi thì gặp Lê Đức T1, sinh năm 1982, trú tại: Thôn B - xã N - huyện T - tỉnh B, T nói chuyện với T1 và mời T1 uống bia, do có rượu trong người nên T có nói chuyện to. Lúc này, có Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993, trú tại: T - xã G - huyện T - tỉnh B đang hát ở trong phòng hát của quán Karaoke 88 cùng với Nguyễn Văn T3, sinh năm 1983 ở thôn Đ - xã N - huyện T - tỉnh B và Nguyễn Văn L, sinh năm 1983 ở thôn L - xã N - huyện T - tỉnh B đi ra chỗ T, H và T1 đang ngồi để uống nước và hút thuốc Lào. Thấy T nói to, T2 có nhắc nhở T thì giữa T và T2 xảy ra mâu thuẫn với nhau nên T2 dùng tay phải đánh một phát vào mặt của T. Thấy vậy, mọi người trong quán Karaoke 88 vào can ngăn thì T và H1 đi về, còn T2 tiếp tục vào phòng hát. Trên đường về, T và H1 đi vào quán Internet Cường Vân ở thôn K - xã N - huyện T - tỉnh B để tìm gặp Nguyễn Văn H, sinh năm 1996 là người ở cùng thôn với T và H. Tại đây, T kể lại cho H biết việc T bị T2 đánh tại quán Karaoke 88 và rủ H đi đánh T2 thì được H đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô SH màu trắng biển kiểm soát 99F1-378.40 chở T quay lại quán Karaoke 88, còn H1 đi về nhà. Trên đường đi thì có Tăng Văn V, sinh năm 1996 ở thôn Đ - xã G - thành phố H - tỉnh H đang đi ăn khuya cùng Nguyễn Văn K, sinh năm 1995 ở Khu dân cư N - phường N - thành phố H - tỉnh H là bạn của T và H gọi điện thoại cho H nên H có thông báo cho V biết về việc T đang bị đánh ở quán Karaoke 88. Khi H và T đến quán Karaoke 88 thì thấy T2 đang ngồi một mình ở bàn uống nước. T xuống xe rồi lao vào dùng tay phải đánh một phát trúng vào vùng đầu của T2. Ngay lập tức, T2 đứng dậy cầm chiếc điều cày bằng Inox, dài 80cm, đường kính 05cm đang để cạnh bàn uống nước vụt 02-03 phát trúng vào tay của T. Thấy T bị T2 đánh, H dùng tay trái lấy 01 gậy rút bằng kim loại, dài 70cm, loại ba khúc, có núm tròn, tay cầm được ốp nhựa cao su màu đen ở trong người ra rồi xông vào vụt 02-03 cái trúng vào vai của T2. Thấy vậy, mọi người trong quán Karaoke 88 ra can ngăn, đẩy T2, T và H ra ngoài đường trước cửa quán karaoke 88. Tại đây, T2 vẫn cầm chiếc điều cày, còn T nhặt 1/2 viên gạch chỉ ở ven đường, cả hai vẫn tiếp tục chửi nhau. Sau đó, T cầm gạch ném một phát trúng vào bả vai bên trái của T2, còn T2 cầm điều cày vào vụt 02 phát trúng vào tay phải của T, H cũng lao vào cầm gậy rút vụt trúng vào người của T2. Khi mọi người vào can ngăn, xô đẩy thì T2 bị ngã xuống đường, thấy T2 bị ngã, T nằm đè trên người của T2 rồi dùng tay đánh, sau đó dùng răng cắn vào tai bên trái của T2 làm đứt 1/3 vành tai trái, còn H cầm gậy rút vụt 04 phát trúng vào chân của T2. Cùng lúc này, K và V đi ăn khuya về nhà trọ F88 giáp với quán Karaoke 88 thấy T, H và T2 đang đánh nhau, K lao vào dùng chân đá 02 phát trúng vào người của T2, còn V lao vào dùng chân phải đá 01 phát trúng vào người của T2 và giằng chiếc điều cày T2 đang cầm rồi vụt 01 phát trúng vào người của T2. Được mọi người trong quán karaoke 88 ra can ngăn thì tất cả giải tán không đánh nhau nữa nên mọi người đã đưa T2 đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B đến ngày 9/7/2019 thì ra viện.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 196 ngày 24/7/2019 của Nguyễn Văn T2 do Bệnh viện đa khoa tỉnh B cung cấp xác định: 01 vết thương trán dài 07cm, sâu lộ cân sọ, mép vết thương dập nát, sưng nề da đầu xung quanh; Vết thương phức tạp lộ sụn vành tai trái; Sưng nề mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải có vết thương kích thước (0,5 x 0,5)cm, bờ nhám nhở, không rõ độ sâu, đã cầm máu; Sưng nề mặt trước 1/3 dưới cẳng chân trái có vết thương kích thước (0,5x0,5)cm, bờ nhám nhở, không rõ độ sâu, đã cầm máu. Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số: 4263/C09-TT1 ngày 21/8/2019 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Đối chiếu Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số: 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do các thương tích và di chứng như sau: Sẹo vùng trán đỉnh trái: 03%, không ảnh hưởng chức năng và thẩm mỹ; Sẹo khuyết 2/3 giữa vành tai trái: 08%; Sẹo mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải: 01%, không ảnh hưởng chức năng; Sẹo mặt trước 1/3 dưới cẳng chân trái: 01%, không ảnh hưởng chức năng. Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích quy định tại Thông tư số: 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T2 tại thời điểm giám định là 13%.

Cáo trạng số: 40/CT-VKSTT ngày 14/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai nhận tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T. Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với các bị cáo.

Anh Nguyễn Văn T2 trình bày tại phiên tòa: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 04/7/2019, tại quán Karaoke 88 ở thôn D - xã N - huyện T - tỉnh B. Khi anh cùng với các bạn của mình đi đến bàn ngồi uống nước để hút thuốc lào, thấy Nguyễn Văn T nói to nên anh có nhắc nhở dẫn đến hai bên xảy ra mâu thuẫn. Do trước đó cũng đã uống rượu không kiềm chế được bản thân nên anh dùng tay đánh vào mặt của T. Sau khi được mọi người can ngăn thì T đã đi về còn anh vẫn ngồi tại quán Karaoke 88. Một lúc sau, T quay lại đã cùng với Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V đánh anh. Cụ thể: T dùng chân, tay đánh vào vùng đầu của anh, cầm 1/2 viên gạch chỉ ném trúng bả vai trái của anh, rồi dùng răng cắn đứt 1/3 tai bên trái của anh. H cầm gậy rút bằng kim loại (loại ba khúc) dài 70cm vụt 02-03 cái vào vai và 04 cái trúng vào hai chân của anh, K dùng chân đá 02 cái vào người của anh, V dùng chân phải đá 01 cái trúng vào người của anh và giằng chiếc điều cày anh đang cầm rồi vụt 01 cái trúng vào người của anh làm anh bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%. Trong lúc xảy ra xô xát, anh cũng cầm điều cày và dùng chân, tay đánh, đấm, đá T nhưng anh không biết T có bị thương hay không. Ngoài ra, trong khi đánh nhau anh có bị rơi sợi dây chuyền có mặt là con tỳ hưu bằng

vàng. Sau khi xảy ra sự việc, gia đình các bị cáo đã đến thăm hỏi và bồi thường cho anh tổng số tiền 101.500.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, anh xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin cho các bị cáo được hưởng án treo đồng thời không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ một khoản nào khác.

Ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị L, chị Sùng Thị H và chị Nguyễn Thị T cũng trình bày tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, phía gia đình đã được các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V tác động để bồi thường cho người bị hại là anh Nguyễn Văn T2 tổng cộng 101.500.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Đối với số tiền đã bỏ ra để bồi thường này, ông N, ông B, chị L, chị H và chị T không yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho mình.

Cũng tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vẫn giữ nguyên quyết định của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố đối với các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 18 tháng đến 22 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Tăng Văn V từ 18 tháng đến 22 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 26 tháng đến 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 52 tháng đến 56 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 24 tháng đến 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 48 tháng đến 52 tháng.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T công bố bản luận tội, các bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo tích cực tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân có ích cho xã hội. Người bị hại cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo để cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Thể hiện: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 04/7/2019, tại quán Karaoke 88 ở thôn D - xã N - huyện T - tỉnh B. Do bức tức khi bị Nguyễn Văn T2 nhắc nhở việc T nói to ở quán và dùng tay đánh vào mặt của mình nên T đã cùng với Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V đánh T2. Cụ thể: T dùng chân, tay đánh vào vùng đầu của T2, cầm 1/2 viên gạch chỉ ném trúng bả vai trái của T2, rồi dùng răng cắn đứt 1/3 tai bên trái của T2. H cầm gậy rút bằng kim loại dài 70cm vụt 02-03 cái vào vai và 04 cái trúng vào hai chân của T2, K dùng chân đá 02 cái vào người của T2, V dùng chân phải đá 01 cái trúng vào người của T2 và giằng chiếc điều cây T2 đang cầm rồi vụt 01 cái trúng vào người của T2. Hậu quả, T2 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13% theo như kết luận tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích kết luận giám định pháp y thương tích số: 4263/C09-TT1 ngày 21/8/2019 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an.

Hành vi của các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V đã dùng gạch, gậy rút ba khúc bằng kim loại, điều cây là hung khí nguy hiểm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và dùng tay, chân, răng cắn, đá, cắn đánh gây thương tích, tổn hại sức khỏe 13% cho người bị hại Nguyễn Văn T2. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Đây là vụ án chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn vì trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể và không có sự câu kết chặt chẽ với nhau. Tuy nhiên, các bị cáo phải cùng nhau chịu trách nhiệm đối với hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cho người bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn T tham gia với vai trò chính, các bị cáo: Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V tham gia với vai trò là đồng phạm cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng bị cáo H tham gia với vai trò tích cực hơn các bị cáo K và V. Do đó, bị cáo T và bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo K và bị cáo V. Mặc dù, tại phiên tòa người bị hại Nguyễn Văn T đã xin cho các bị cáo được hưởng án treo, nhưng do các bị cáo: Nguyễn Văn K và Tăng Văn V đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định truy nã nên các bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng cũng như giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Văn K và bị cáo Tăng Văn V đều có nhân thân xấu: Bị cáo K đã bị Tòa án nhân dân huyện Nh - tỉnh H và Tòa án nhân dân huyện C - tỉnh H đưa ra xét xử và kết án về tội “*Cướp giật tài sản*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”, còn bị cáo V đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H - tỉnh H ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”. Mặc dù, các bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ các bản án, quyết định và đã được xóa án tích nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hơn nữa, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định truy nã. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cần xem xét sau khi biết mình bị truy nã các bị cáo đều đã ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời các bị cáo cũng đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho người bị hại, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đồng thời tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Không những vậy người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin cho các bị cáo được hưởng án treo. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử các bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Bị cáo Nguyễn Văn T cũng có nhân thân xấu khi đã bị Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh B đưa ra xét xử và kết án về tội “*Hủy hoại tài sản*”. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc nhằm cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cần xem xét sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, đồng thời tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Ngoài ra, người bị hại tại phiên tòa cũng đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Bị cáo Nguyễn Văn H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự lại phạm tội lần đầu. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều đã

thành khẩn khai báo, đồng thời tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Hơn nữa, người bị hại tại phiên tòa đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy, các bị cáo: Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự lại có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo hình phạt tù có điều kiện, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Liên quan trong vụ án này, Nguyễn Văn T2 có hành vi dùng điều cày đánh Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định: T không bị thương tích, bản thân T không đề nghị gì đối với T2. Vì vậy, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T2 về hành vi “*Đánh nhau*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số: 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn T2 tổng số tiền 101.500.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, anh T2 không yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Đối với số tiền 101.500.000 đồng mà ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị L, chị Sùng Thị H và chị Nguyễn Thị T là bố và vợ các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V đã bỏ ra bồi thường thay cho các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, ông N, ông B, chị L, chị H và chị T không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền này. Xét thấy, đây cũng là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử cũng không đề cập xem xét.

[4] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 gậy rút bằng kim loại (loại ba khúc), dài 70cm có phần tay cầm bằng cao su màu đen là công cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô SH màu trắng, biển kiểm soát 99F1-378.40, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là của chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1997 ở cùng thôn với bị cáo Nguyễn Văn H. Ngày 04/7/2020, bị cáo H mượn xe mô tô trên của chị T1 để đi chơi game, chị T1 không biết bị cáo H sử dụng chiếc xe mô tô trên chở bị cáo Nguyễn Văn T đến quán đến quán Karaoke 88 để đánh Nguyễn Văn T2. Vì vậy, ngày 08/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị T1 là phù hợp.

Đối với 01 dây chuyền loại vàng tây, dạng thanh móc, quá trình điều tra xác định: Trong lúc đánh nhau Nguyễn Văn T2 làm rơi dây chuyền này, sau đó hai thanh niên thuê trọ ở nhà trọ F88 nhặt được nhưng không có mặt dây chuyền và giao lại cho chị Nguyễn Thị Thu H là quản lý nhà trọ F88. Chị H sau khi biết chiếc dây chuyền trên là của T2 nên đã giao lại cho chị Nguyễn Thị L là vợ của bị cáo Nguyễn Văn T, chị L đã lại đưa cho bị cáo T. Đến ngày 11/7/2019, bị cáo T đã giao nộp chiếc dây chuyền này cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T. Ngày 25/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc dây chuyền này cho T2 là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 USB chứa file ghi hình vụ việc đánh nhau tại quán Karaoke 88 do chủ quán Karaoke 88 cung cấp. Đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điều cày và 1/2 viên gạch, quá trình điều tra xác định: Sau khi sử dụng điều cày để đánh Nguyễn Văn T2, bị cáo Tăng Văn V đã vứt điều cày xuống ruộng lúa trước cửa nhà trọ F88; còn 1/2 viên gạch bị cáo Nguyễn Văn T dùng để ném T2 đã rơi ở đường. Ngày 20/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Thông báo truy tìm vật chứng nhưng chưa có kết quả. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K (họ và tên gọi khác: Nguyễn Khắc K) và **Tăng Văn V** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 18 (Mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/3/2020 là ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Xử phạt bị cáo Tăng Văn V 18 (Mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/3/2020 là ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo: Nguyễn Văn K và Tăng Văn V mỗi bị cáo 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo công tác thi hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 26 (Hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 (*Năm mươi hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 25 (Hai mươi lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 50 (Năm mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo: Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã N - huyện T - tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) rút bằng kim loại (loại ba khúc), dài 70 (Bảy mươi) cm có phần tay cầm bằng cao su màu đen (Theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/5/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

Về án phí: Căn cứ Điều Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K và Tăng Văn V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Tuyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Bá Thành

Nguyễn Thị Vân Thanh

Bùi Văn Tuyên